

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HN-ST

Ngày: 14/3/2019

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh.

2. Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Tường - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2019/TLST-HNGĐ, ngày 17/01/2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HN ngày 19 tháng 02 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HPT ngày 07 tháng 3 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Thế P, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Mộng D, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 02/11/2018; Bản tự khai ngày 22/01/2019; Biên bản lấy lời khai ngày 19/02/2019, nguyên đơn - Ông Lê Thế P trình bày: Ông Lê Thế P và Bà Huỳnh Thị Mộng D tự nguyện kết hôn với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn số 38, Quyền số 01/2007, ngày 01/6/2007 do Ủy ban nhân dân phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Mâu thuẫn giữa ông bà bắt đầu từ khoảng năm 2011 do bất đồng về quan điểm sống, bà D còn hay cờ bạc. Dù đã nhiều lần cố gắng khuyên giải, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng mọi việc vẫn không thể thay đổi. Xét thấy mục đích hôn nhân không

đạt, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đến nay đã trầm trọng, nên ông P đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về việc nuôi con: Quá trình chung sống có 02 (hai) con chung là Lê Huỳnh Thế N, sinh ngày 26/11/2007 và Lê Huỳnh Tấn L, sinh ngày 04/9/2009. Ông P yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - Bà Huỳnh Thị Mộng D mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Các trình tự, thủ tục đều tuân thủ quy định của pháp luật. Tòa án cần chú ý về thời hạn chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 220, Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Ông Lê Thế P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn - Ông Lê Thế P yêu cầu ly hôn với bị đơn - Bà Huỳnh Thị Mộng D. Do Bà Huỳnh Thị Mộng D cư trú tại Quận 2 nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị Mộng D vắng mặt nhưng Tòa án đã Tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử số 11/2019/QĐXXST-HN ngày 19 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HPT ngày 07 tháng 3 năm 2019. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông P có đơn xin xét xử vắng mặt, Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Căn cứ lời khai của đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định Ông Lê Thế P và Bà Huỳnh Thị Mộng D tự nguyện kết hôn với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn số 38, Quyền số 01/2007, ngày 01/6/2007 do Ủy ban nhân dân phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Do đó, hôn nhân giữa Ông Lê Thế P và Bà Huỳnh Thị Mộng D là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa Ông Lê Thế P và Bà Huỳnh Thị Mộng D đã không còn hạnh phúc, đời sống gia đình luôn xảy ra xung đột nhưng cả hai đã không tìm được tiếng nói chung trong tất cả mọi vấn đề. Như vậy, ông P yêu cầu được ly hôn với Bà Huỳnh Thị Mộng D là có cơ sở.

Đối với Bà Huỳnh Thị Mộng D mặc dù đã được tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do cho thấy Bà Huỳnh Thị Mộng D không thể hiện thiện chí hàn gắn gia đình, nên tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn là có cơ sở.

Về việc nuôi con: Quá trình chung sống có 02 (hai) con chung là Lê Huỳnh Thế N, sinh ngày 26/11/2007 và Lê Huỳnh Tấn L, sinh ngày 04/9/2009. Ông P yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Do bà D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không thể hiện nguyện vọng về việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do có yêu cầu ly hôn nên ông P phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016;

- Áp dụng Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thế P được ly hôn Bà Huỳnh Thị Mộng D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38, Quyền số 01/2007, ngày 01/6/2007 do Ủy ban nhân dân phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

[2] Về việc nuôi con: Quá trình chung sống có 02 (hai) con chung là Lê Huỳnh Thế N, sinh ngày 26/11/2007 và Lê Huỳnh Tấn L, sinh ngày 04/9/2009. Giao con cho Ông P nuôi dưỡng, Ghi nhận sự tự nguyện của ông P không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo qui định tại các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), ông P phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2017/0015998 ngày 17/01/2019, do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập. Ông P đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục THA DS Quận 2;
- TAND Tp.HCM;
- Lưu VP;
- Hồ sơ vụ án (Tường)./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Yên

[4] Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), ông P phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2017/0015998 ngày 17/01/2019, do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập. Ông P đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Yến